TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/DS - ST
Ngày: 02 - 11 - 2018.
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Nhi.

Ông Đoàn Văn Lắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2018/TLST - DS, ngày 24/7/2018 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXXST - DS, ngày 21/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1959.

Nơi cư trú:ấp T, xã Tân B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Huỳnh Văn C ủy quyền cho ông Phan Văn D, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 04/8/2018.

*Bị đơn:*Ông Võ Văn T, sinh năm 1962 (vắng mặt không lý do).

Bà Phạm Thị N, sinh năm 1961 (vắng mặt không lý do).

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2018 của ông Huỳnh Văn C và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn C là ông Phan Văn D trình bày: Từ năm 2013 đến năm 2017, ông C có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi cho ông Võ Văn T, bà Phạm Thị N, hai bên thỏa thuận khi

ông T, bà N bán heo thì trả tiền (thời gian từ 04 đến 05 tháng). Đến tháng 02/2017 hai bên kết thúc việc mua bán do ông T, bà N bán heo nhiều lần nhưng không thanh toán đủ tiền cho ông C. Vào ngày 23/8/2018 hai bên tổng kết nợ thì ông T, bà N còn nợ ông C 47.000.000 đồng, có ký vào biên bản xác nhận công nợ, sau đó thì ông T, bà N có trả được 5.000.000 đồng thì không trả nữa. Nay ông C yêu cầu ông T, bà N phải liên đới hoàn trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 42.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Võ Văn T, bà Phạm Thị N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày hay ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn D có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Văn T, bà Phạm Thị N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Văn D, Võ Văn T và bà Phạm Thị N.

[2] Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định như sau: Từ năm 2013 đến năm 2017, giữa ông Huỳnh Văn C với ông Võ Văn T, bà Phạm Thị N có thiết lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi, sau khi hai bên kết thúc việc mua bán, tổng kết nợ thì ông T, bà N còn nợ ông C tiền mua thức ăn là 47.000.000 đồng, hai bên có lập biên bản xác nhận công nợ ngày 23/8/2017 có chữ ký và chữ viết của ông Võ Văn T, bà Phạm Thị N và đây là chứng cứ để nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, theo người đại diện của nguyên đơn trình bày thì sau khi xác nhận nợ, ông T, bà N có trả được cho ông C 5.000.000 đồng, còn nợ lại 42.000.000 đồng thì không trả nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án để chứng minh ông bà không có nợ ông C số tiền 42.000.000 đồng và biên bản xác nhận công nợ ngày 23/8/2017 không phải ông bà viết và ký tuy nhiên ông T, bà N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp chứng cứ nào để chứng minh theo yêu cầu của Tòa án, điều đó chứng tỏ rằng ông T, bà N có nợ tiền mua thức ăn như yêu cầu khởi kiện của ông C, việc ông T, bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ là vi phạm hợp đồng, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, căn cứ vào Điều 430, 440 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử buộcông T, bà N phải liên đới hoàn trả cho ông C số tiền 42.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về nghĩa vụ nộp án phí: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông T, bà N phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải hoàn trả cho nguyên đơn là: 42.000.000 đồng x 5% = 2.100.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Võ Văn T, bà Phạm Thị N phải liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn C số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 42.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí: Buộc ông Võ Văn T, bà Phạm Thị N phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.100.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.050.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: HS, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện